

Bản án số: 02 /2016/HC-ST

Ngày: 02- 6- 2016

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân

2. Ông Đỗ Văn Thư

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2016, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2015/TLST-HC ngày 01 tháng 10 năm 2015 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2016/QĐST - HC ngày 30 tháng 3 năm 2016 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đào Hữu M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện A (sau đây viết tắt là UBND huyện A)

Địa chỉ: Thị trấn A, huyện A, thành phố H

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Phạm Văn S – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A (Văn bản uỷ quyền số 676/GUQ – UBND ngày 09/11/2015), vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Ngọc H

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Đào Thị D1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Đào Thị D2, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, có mặt tại phiên tòa

+ Bà Đào Thị N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 5, gác 2, ngõ 83, Nguyễn Đức C, phường A, quận L, thành phố H, có mặt tại phiên tòa

+ Cụ Mai Thị X, sinh năm 1930

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Mai Thị X: Bà Đào Thị D1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, có mặt tại phiên tòa

+ Ông Đào Hữu D, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 81/280 Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Hữu D: Bà Đào Thị D2, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Đào Hữu M trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Đào Hữu C (chết năm 2008, không để lại di chúc) và cụ Mai Thị X, sinh năm 1930 sinh được 05 người con gồm: Bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N và ông Đào Hữu M. Bố, mẹ ông có khối tài sản chung là diện tích đất thổ cư 1140m² tại Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H. Năm 2001, bố mẹ ông thống nhất chia tách đất cho ông được hưởng 380m² đất thổ cư, có vị trí kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp đường làng dài 33m, phía Nam giáp phần đất còn lại của gia đình dài 37m, phía Tây giáp hộ ông T dài 11,25m, phía Đông giáp hộ ông L dài 10,25m. Trên diện tích đất này có 01 ngôi nhà cấp bốn và các công trình phụ tường bao do ông xây dựng vào năm 1996. Phần diện tích đất còn lại gia đình ông sử dụng.

Trong quá trình sử dụng diện tích đất trên, bản thân ông ốm đau phải đi điều trị dài ngày tại Hà Nội, đến năm 2013 ông mới có điều kiện để đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết phần diện tích đất thổ cư 380m² ông được bố, mẹ phân chia cho đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông bà trên chồng chéo sang phần diện tích đất ông đang quản lý sử dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông.

Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện A tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201629, số AC 640149 mang tên ông Đào Hữu C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731526 mang tên ông Đào Hữu D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731525 mang tên bà Đào Thị D2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731539 mang tên bà Đào Thị D1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731524 mang tên bà Đào Thị N của UBND huyện A.

Trong quá trình đi lại và đòi quyền lợi chính đáng cho bản thân từ năm 2013 đến nay, ông đã bị thiệt hại về kinh tế và sức khỏe giảm sút. Do vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện A buộc ông Vũ Ngọc H nguyên là Chủ tịch UBND xã Đ, huyện A phải có trách nhiệm bồi thường cho ông số tiền 112.000.000đồng.

Tại văn bản số 55/ TNMT ngày 12/12/2015, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ thừa đất số 703, tờ bản đồ số 10 tại Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H là của cụ Đào Hữu C và cụ Mai Thị X có nguồn gốc là đất làm nhà ở ổn định từ trước năm 1980. Đối với các thửa đất của bà Đào Thị D1, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N và ông Đào Hữu D có nguồn gốc do nhận chuyển quyền sử dụng đất từ cụ Đào Hữu C và cụ Mai Thị X theo đơn xin chia tách đất ở của cụ Chúc có xác nhận của UBND xã cùng với biên bản họp gia đình ngày 12/11/2003. Cụ Đào Hữu C và cụ Mai Thị X cùng với các con là bà Đào Thị D1, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N và ông Đào Hữu D đã tiến hành thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã Đ xác nhận. Qua thẩm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện chuyển đến, phòng Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông bà kể trên theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó.

Tại biên bản họp gia đình ngày 12/11/2003, ông Đào Hữu M được hưởng 160m², tuy nhiên năm 2009 UBND xã Đ đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đến Văn phòng đăng ký đất đai thẩm định, phòng Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đào Hữu C.

Tại bản tự khai ngày ngày 15/10/2015 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Ngọc H trình bày:

Năm 2003, cụ Đào Hữu C và cụ Mai Thị X đã họp gia đình thống nhất chia đất thổ cư cho các con là bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N. Năm 2007 và năm 2009, cụ Đào Hữu C và con của cụ đã đề nghị UBND xã Đ hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất cụ thể là: Bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N mỗi người được sử dụng 160m² đất thổ cư, cụ Đào Hữu C được sử dụng diện tích đất 360m² và 150m² đất thổ cư. Sau khi UBND xã Đ chuyển hồ sơ lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã thẩm định hồ sơ, trình UBND huyện A và UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào

Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N đúng trình tự quy định của pháp luật. Về việc ông Đào Hữu M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện A hủy 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì chồng chéo lên diện tích đất của ông đang quản lý sử dụng là không có căn cứ vì tại UBND xã Đ không có giấy tờ gì thể hiện cụ Đào Hữu C chia đất cho ông Đào Hữu M.

Về yêu cầu của ông Đào Hữu M đề nghị Tòa án buộc ông phải bồi thường những chi phí đi lại và những giám sát về sức khỏe trong quá trình khởi kiện, ông có quan điểm không đồng ý với yêu cầu mà ông Đào Hữu M đưa ra.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị D1, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N, ông Đào Hữu D, cụ Mai Thị X và những người đại diện theo ủy quyền của người liên quan thống nhất trình bày:

Cụ Đào Hữu C (chết năm 2008, không để lại di chúc) và cụ Mai Thị X có sinh được 05 người con như ông Đào Hữu M đã trình bày, gồm có các ông, bà Đào Thị D1, Đào Hữu D, Đào Thị D2, Đào Thị N và ông Đào Hữu M. Các cụ có 1140m² đất thuộc thửa số 703, tờ bản đồ số 10, xã Đ (địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H). Ngày 12/11/2003, gia đình đã họp và thống nhất chia tách đất thổ cư cho các ông, bà Đào Thị D1, Đào Hữu D, Đào Thị D2, Đào Thị N và Đào Hữu M mỗi người được sử dụng 160m² đất, phần còn lại là của cụ C và cụ X. Đến năm 2007, gia đình đã làm thủ tục đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà có tên trên theo quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất đã được gia đình thống nhất chia cho ông Đào Hữu M, do ông Đào Hữu M không đồng ý nhận quản lý, sử dụng diện tích đất được gia đình chia nên cụ C đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận diện tích đất đứng tên cụ C. Trong thời gian chờ UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ C chết.

Việc UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà và cụ C là đúng quy định của pháp luật nên các ông, bà không đồng ý với yêu cầu của ông Đào Hữu M về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên khẳng định Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của luật tố tụng hành chính.

Người bị kiện là UBND huyện A chậm cung cấp quan điểm nên đã vi phạm Điều 115 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ lời trình bày của người khởi kiện, người đại diện cho người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hành chính, người khởi kiện là ông Đào Hữu M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A hủy 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2 và bà Đào Thị N và người khởi kiện đã có cam đoan không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/10/2014, ông Đào Hữu M nhận được bản phô tô các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện A cấp cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N nên thời hiệu khởi kiện vụ án được tính từ ngày 18/10/2014. Đến ngày 01/10/2015, Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đào Hữu M nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

Về việc vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc H: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 131 Luật Tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc H.

Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Xét về thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ Khoản 2, Điều 52 Luật đất đai năm 2003 thì thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do vậy Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2, bà Đào Thị N là đúng thẩm quyền.

Xét về căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định, cụ Đào Hữu C và cụ Mai Thị X đã quản lý, sử dụng diện tích đất 1140m² đất thuộc thửa số 703, tờ bản đồ số 10, xã Đ (địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H) từ trước năm 1980. Theo quy định của Pháp luật về đất đai thì Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của cụ C, cụ X đối với diện tích đất trên. Năm 2003, các cụ đã họp gia đình và thống nhất phân chia diện tích đất trên cho các ông, bà Đào Hữu D, Đào

Thị D1, Đào Thị D2, Đào Thị N mỗi người được quản lý, sử dụng 160m². Cụ Đào Hữu C quản lý sử dụng diện tích đất 380m² thuộc thửa số 703, tờ bản đồ số 10 và diện tích đất 150m² thuộc thửa số 703A tờ bản đồ số 10.

Năm 2007, UBND huyện A đã cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731526 mang tên ông Đào Hữu D; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731525 mang tên bà Đào Thị D2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731539 mang tên bà Đào Thị D1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731524 mang tên bà Đào Thị N; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 640149 mang tên cụ Đào Hữu C.

Năm 2009, UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201629 cho cụ Đào Hữu C.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì trên phần diện tích đất UBND huyện A đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà Đào Hữu D, Đào Thị D1, Đào Thị D2, Đào Thị N đều có một phần công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất do ông Đào Hữu M tạo lập trên đất và quản lý, sử dụng từ trước khi UBND huyện A cấp giấy chứng nhận cho các ông, bà có tên trên.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà Đào Thị D1, Đào Thị D2, Đào Hữu D, Đào Thị N do Ủy ban nhân dân huyện A cung cấp bao gồm: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các ông, bà Đào Thị D1, Đào Thị D2, Đào Thị N và Đào Hữu D, đơn xin chia tách đất thổ cư do cụ Đào Hữu C ký, biên bản họp gia đình, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tờ khai nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ, giấy xác nhận miễn (giảm) thuế chuyển quyền sử dụng đất, biên lai thu thuế trước bạ, trích đo hiện trạng sử dụng đất và xác nhận về tình trạng tranh chấp đối với thửa đất của UBND xã Đ ngoài ra không còn giấy tờ nào khác. Tại Điểm a, Khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 quy định: “ UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm tra, xác nhận vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về tình trạng tranh chấp đất đai đối với thửa đất; ... công bố công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện và không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở UBND xã trong thời hạn 15 ngày”. Đối chiếu với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà Đào Thị D1, Đào Thị D2, Đào Thị N và Đào Hữu D thấy còn thiếu thủ tục thông báo niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, thiếu biên bản xác định mốc giới. Do không xác định mốc giới, không niêm yết thông báo nên tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà trên đã không xác định được trên đất có công trình là nhà ở, vật kiến trúc do ông Đào Hữu M đã tạo lập và quản lý sử dụng từ trước đó, trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ý kiến của ông Đào Hữu M. Như vậy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cho các ông, bà Đào Thị D1, Đào Thị D2, Đào Thị N, Đào Hữu D đã xâm hại đến quyền lợi của ông Đào Hữu M nên yêu cầu của Ông M đề nghị

Tòa án huyện A hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho các ông, bà Đào Thị D1, Đào Thị D2, Đào Thị N, Đào Hữu D là có căn cứ chấp nhận.

Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201629 cho cụ Đào Hữu C do Ủy ban nhân dân huyện A cung cấp bao gồm: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đào Hữu C, trích đo hiện trạng sử dụng đất, thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất, tờ khai lệ phí trước bạ nhà đất, biên lai thu lệ phí trước bạ và xác nhận về tình trạng tranh chấp đối với thửa đất của UBND xã Đ, ngoài ra không còn giấy tờ nào khác. Hội đồng xét xử xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cho cụ Đào Hữu C không xâm hại đến quyền lợi của ông Đào Hữu M và các thành viên khác trong gia đình nhưng tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2009 cụ Đào Hữu C đã chết ngày 13/02/2008. Tại Điều 12 Nghị định 84/2007 ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định " Trường hợp người đứng tên nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận chết trước khi trao Giấy chứng nhận thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề hủy giấy chứng nhận đã ký". Đối chiếu với quy định này Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Đào Hữu M đề nghị Tòa án huyện A hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201629 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho cụ Đào Hữu C là có căn cứ chấp nhận.

Đối với diện tích đất 380m² thuộc thửa số 703, tờ bản đồ số 10, xã Đ: Diện tích đất này đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 640149 mang tên cụ Đào Hữu C. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đào Hữu C do Ủy ban nhân dân huyện A cung cấp bao gồm: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đào Hữu C, biên bản họp gia đình, giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất, trích đo hiện trạng sử dụng đất, trích đo mặt bằng sử dụng đất và xác nhận về tình trạng tranh chấp đối với thửa đất của UBND xã Đ, ngoài ra không còn giấy tờ nào khác. Xét thấy mặc dù trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện A cho cụ Đào Hữu C chưa đầy đủ còn thiếu thủ tục thông báo niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, thiếu biên bản xác định mốc giới, chưa có chữ ký của cụ Mai Thị X nhưng cụ Xoa không có ý kiến gì phản đối và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cho cụ Đào Hữu C không xâm hại đến quyền lợi của ông Đào Hữu M và các thành viên khác trong gia đình nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 640149 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho cụ Đào Hữu C.

Đối với yêu cầu của ông Đào Hữu M đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Ngọc H phải bồi thường cho ông số tiền 112.000.000đ thiệt hại về kinh tế do đi lại và giảm sút sức khỏe. Hội đồng xét xử xét thấy: Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân là thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2 và bà Đào Thị N là do Ủy ban nhân dân huyện A thực hiện nên theo quy định pháp luật trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại do việc

cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây ra thuộc về Ủy ban nhân dân huyện A. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Đào Hữu M có quan điểm không yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện A phải bồi thường cho ông nên Hội đồng xét xử không xem xét. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ông Vũ Ngọc H không phải là người có trách nhiệm phải bồi thường những thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2 và bà Đào Thị N nên yêu cầu của ông Đào Hữu M không được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Đào Hữu M đề nghị Tòa án nhân dân huyện A hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2 và bà Đào Thị N được chấp nhận một phần nên ông Đào Hữu M không phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện A phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Đào Hữu C, bà Đào Thị D1, ông Đào Hữu D, bà Đào Thị D2 và bà Đào Thị N nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông Đào Hữu M đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Ngọc H phải bồi thường cho ông số tiền 112.000.000đ không được chấp nhận, Tòa án đã giải thích cho Ông Đào Hữu M về nghĩa vụ nộp án phí nên ông Đào Hữu M phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên, Điểm a, Khoản 2 Điều 104; Điều 132; Điều 136 Luật Tố tụng hành chính;

- Áp dụng Điều 50 Luật đất đai năm 2003;
- Áp dụng Điểm a, Khoản 3, Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ – CP ngày 29/10/2004; Điều 12 Nghị định 84/2007 ngày 25/5/2007 của Chính phủ.
- Áp dụng Khoản 1, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;
- Áp dụng Điều 19 Nghị quyết số 01/2012/NQ – HĐTP Ngày 13/6/2013 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Hữu M

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 201629 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho cụ Đào Hữu C ngày 30/11/2009.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731539 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho bà Đào Thị D1 ngày 05/02/2007.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731526 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho ông Đào Hữu D ngày 05/02/2007.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731525 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho bà Đào Thị D2 ngày 05/02/2007.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 731524 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho bà Đào Thị N ngày 05/02/2007.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Hữu M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 640149 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố H cấp cho cụ Đào Hữu C ngày 08/11/2007.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Hữu M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A buộc ông Vũ Ngọc H phải bồi thường cho ông số tiền 112.000.000đ (Một trăm mười hai triệu đồng).

2. Về án phí:

Người bị kiện là UBND huyện A phải nộp 200.000đ án phí hành chính sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ông Đào Hữu M phải nộp 5.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Ông M đã nộp 200.000đ tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện A biên lai số 0008044 ngày 01/10/2015 nên phải nộp tiếp 5.400.000đ.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Văn Tỉnh